TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Âu Văn Hồ.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Tôn
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức D, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023. Về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q,

Địa chỉ trụ sở: Số 25 L, phường L, quận H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H1; Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị L1 – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ; Theo Giấy ủy quyền số 367/UQ-HĐQT.NCB ngày 24/01/2024 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Q.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng:

Bà Vũ Thị Lan V; Chuyên viên xử lý nợ - Theo Giấy ủy quyền số 9229/GUQ-BĐH.NCB ngày 15/05/2024. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Quang D – Sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Bà Trịnh Thị T – Sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cùng HKTT: TDP A, phường T.T, Thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngày 28/07/2017, ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T cùng với Ngân hàng TMCP Q đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 309/17/HĐCV/9386, theo đó, ông D, bà T đã vay Ngân hàng TMCP Q (NCB) với số tiền vay là **330.000.000 đồng** (ba trăm ba mươi triệu đồng); Mục đích: Vay mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại; Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên; Lãi suất kỳ đầu tiên: Lãi suất vay áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 9.5%/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức Lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3.8%/năm. Lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng TMCP Q (NCB) trong từng thời kỳ. Phương thức tính lãi trong hạn; Lãi vay trong hạn bằng dư nợ gốc thực tế trong hạn nhân lãi suất cho vay trong hạn (%/năm) *chia* (:) 365 (ngày) *nhân* (x) số ngày thực tế theo mức lãi suất cụ thể của kỳ tính lãi; Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Cùng ngày Ngân hàng TMCP Q (NCB) đã giải ngân cho ông D, bà T toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ nêu trên.

Để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng cho vay nêu trên, ông D, bà T đã dùng tài sản sau để thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q (NCB): 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 20A-226.36, màu sơn: Trắng, số khung: W1CAHN000294, số máy: G3LAHM333206. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033387 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/7/2017 cho chủ xe là Lê Quang D. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp ô tô có số công chứng 3768, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 28/7/2017 theo quy định.

Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay, ông D, bà T thực hiện việc trả nợ gốc, lãi cho NCB không đầy đủ và đúng hạn, dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Ngân hàng TMCP Q (NCB) đã thực hiện nhiều biện pháp như gọi điện, làm việc trực tiếp tại nhà ông D, bà T, gửi các thông báo yêu cầu trả nợ, bàn giao tài sản bảo đảm cho NCB xử lý, nhưng ông D, bà T không thực hiện cũng không có phương án trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (NCB).

Tính đến thời điểm hiện tại ông D, bà T đã trả cho Ngân hàng TMCP Q (NCB) được tổng số tiền là: **152.489.190 đồng** (trong đó: nợ gốc đã trả là 92.649.903 đồng, nợ lãi đã trả là 59.839.287 đồng) và không tiếp tục thực hiện trả nợ theo cam kết. Khoản vay quá hạn từ thời điểm tháng 25/8/2019.

- Buộc ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (NCB) số tiền tạm tính đến hết ngày 22/5/2024 là **453.712.792** đồng, trong đó:

Nợ gốc: **237.350.089** đồng; Nợ lãi trong hạn: **80.915.757** đồng; Nợ lãi quá hạn: **109.731.195** đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: **25.715.452** đồng

- Buộc ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q (NCB) số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 309/17/HĐCV/9386 ngày 28/7/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành nếu ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì (NCB) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 20A-226.36, màu sơn: Trắng, số khung: W1CAHN000294, số máy: G3LAHM333206. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033387 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/7/2017 cho chủ xe là Lê Quang D.

- Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho (NCB) thì ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NCB cho đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông D, bà T và đến gia đình ông D, bà T nhưng ông D, bà T không hợp tác, vắng nhà. Tại phiên tòa vắng mặt ông D, bà T, Tòa án triệu tập hợp lệ ông D, bà T, nhưng ông D, bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 177; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông D, bà T.

*** Phần tranh luận:**

Do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91,95,98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (NCB)

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Q.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Ngân hàng TMCP Q (NCB) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T trả nợ số tiền cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Q , do vậy Ngân hàng TMCP Q (NCB) là nguyên đơn, ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T là bị đơn. Giao dịch giữa hai bên được lập thành văn bản bằng các hợp đồng tín dụng, có chữ ký xác nhận của hai bên, được thực hiện theo quy định. Xét đây là quan hệ "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 28/07/2017, ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T cùng với Ngân hàng TMCP Q đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 309/17/HĐCV/9386, theo đó, ông D, bà T đã vay Ngân hàng TMCP Q (NCB) với số tiền vay là **330.000.000 đồng** (ba trăm ba mươi triệu đồng); Mục đích: Vay mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại. Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên; Lãi suất kỳ đầu tiên: LSV áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 9.5%/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức LSV bằng (=) Lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3.8%/năm. Lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng TMCP Q (NCB) trong từng thời kỳ. Phương thức tính lãi trong hạn; Lãi vay trong hạn *bằng* (=) Dư nợ gốc thực tế trong hạn *nhân* (x) Lãi suất cho vay trong hạn (%/năm) *chia* (:) 365 (ngày) *nhân* (x) số ngày thực tế theo mức lãi suất cụ thể của kỳ tính lãi; Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Cùng ngày (NCB) đã giải ngân cho ông D, bà T toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ nêu trên.

Để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng cho vay nêu trên, ông D, bà T đã dùng tài sản sau để thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q (NCB): 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 20A-226.36, màu sơn: Trắng, số khung: W1CAHN000294, số máy: G3LAHM333206. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033387 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/7/2017 cho chủ xe là Lê Quang D. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp ô tô có số công chứng 3768, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 28/7/2017 theo quy định. Hợp đồng tín dung, Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay, ông D, bà T thực hiện việc trả nợ gốc, lãi cho (NCB) không đầy đủ và đúng hạn, dẫn đến khoản vay bị quá hạn. (NCB) đã thực hiện nhiều biện pháp như gọi điện, làm việc trực tiếp tại nhà ông D, bà T,

gửi các thông báo yêu cầu trả nợ, bàn giao tài sản bảo đảm cho (NCB) xử lý, nhưng ông D, bà T không thực hiện cũng không có phương án trả nợ cho (NCB).

Tính đến thời điểm hiện tại ông D, bà T đã trả cho Ngân hàng TMCP Q (NCB) được tổng số tiền là: **152.489.190 đồng** (trong đó: nợ gốc đã trả là 92.649.903 đồng, nợ lãi đã trả là 59.839.287 đồng) và không tiếp tục thực hiện trả nợ theo cam kết. Khoản vay quá hạn từ thời điểm tháng 25/8/2019.

Nay Ngân hàng TMCP Q (NCB) đề nghị ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (NCB), Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự. Buộc Lê Quang D và bà Trịnh Thị T phải có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Q (NCB) số tiền tính đến ngày 22/5/2024 là **453.712.792** đồng, (Bốn trăm năm mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 237.350.089 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn không trăm tám mươi chín đồng).
- Nợ lãi trong hạn: 80.915.757 đồng (Tám mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).
- Nợ lãi quá hạn: 109.731.195 đồng (Một trăm linh chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).
- Nợ lãi chậm trả lãi: 25.715.452 đồng (Hai lăm triệu bảy trăm mười lăm nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

2. Buộc ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T còn phải thanh toán cho NCB số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 309/17/HĐCV/9386 ngày 28/7/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành nếu ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q (NCB) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 20A-226.36, màu sơn: Trắng, số khung: W1CAHN000294, số máy: G3LAHM333206. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033387 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/7/2017 cho chủ xe là Lê Quang D.

4. Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (NCB) thì ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NCB cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông D, bà T và đến gia đình ông D, bà T, nhưng ông D, bà T không hợp tác trốn tránh Tòa án đã tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định. Tại phiên tòa vắng mặt ông D, bà T, thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông D, bà T, nhưng ông D, bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 177; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông D, bà T.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận, nên buộc ông D, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 22.148.511đ (hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn năm mười một đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.250.000 đồng (Cín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001345 ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phổ Yên.

Về chi phí tố tụng: Việc tiến hành xem xét thẩm định, định giá được đối với (một) xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 20A-226.36, màu sơn: Trắng, số khung: W1CAHN000294, số máy: G3LAHM333206. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033387 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/7/2017 cho chủ xe là Lê Quang D không thực hiện được do không có tại địa phương nên trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 10.000.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 353, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 , 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Lê Quang D, bà Trịnh Thị T.

2. Buộc Lê Quang D và bà Trịnh Thị T phải có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Q (NCB) số tiền tính đến ngày 22/5/2024 là **453.712.792** đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu bẩy trăm mười hai nghìn bẩy trăm chín mươi hai đồng) trong đó: Nợ gốc: 237.350.089 đồng (Hai trăm ba mươi bẩy triệu ba trăm năm mươi nghìn không trăm tám mươi chín đồng); Nợ lãi trong hạn: 80.915.757 đồng (Tám mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn bẩy trăm bẩy mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn: 109.731.195 đồng (Một trăm linh chín triệu bẩy trăm ba mươi mốt nghìn một trăm chín mươi lăm đồng); Nợ lãi chậm trả lãi: 25.715.452 đồng (Hai lăm triệu bẩy trăm mười lăm nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T còn phải thanh toán cho NCB số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số 309/17/HĐCV/9386 ngày 28/7/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành nếu ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q (NCB) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, BKS: 20A-226.36, màu sơn: Trắng, số khung: W1CAHN000294, số máy: G3LAHM333206. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033387 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/7/2017 cho chủ xe là Lê Quang D.

4. Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (NCB) thì ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NCB cho đến khi tất toán khoản vay.

5. Về án phí: Buộc ông Lê Quang D và bà Trịnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 22.148.511 (hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn năm mười một đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001345 ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phổ Yên.

Về chi phí tố tụng: Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP Phổ Yên;
- THADS TP Phổ Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Âu Văn Hồ